

Day 1

Hoàn thành tóm tắt Summary Completion

Xu hướng ra đề

Dạng bài Hoàn thành tóm tắt (Summary Completion) xuất hiện dưới hai hình thức: hình thức thứ nhất yêu cầu lựa chọn đáp án phù hợp trong một danh sách các phương án cho sẵn để điền vào chỗ trống; hình thức thứ hai, short-answer question (câu trả lời ngắn), yêu cầu tìm từ phù hợp trong bài đọc để điền vào chỗ trống trong bài tóm tắt. Đối với hình thức thứ hai, cần kiểm tra chính xác số lượng từ và số được yêu cầu điền vào chỗ trống.

Đây là một trong những dạng bài phổ biến nhất và xuất hiện ở hầu hết các bài thi IELTS Reading.

Dạng bài

Hình thức lựa chọn đáp án phù hợp trong một danh sách các phương án cho sẵn

Yêu cầu đề bài	<i>Complete the summary using the list of words, A-F, below.</i> <i>Write the correct letter, A-F, in boxes 1 and 2 on your answer sheet.</i>	Sử dụng danh sách các từ sau, A-F, để hoàn thành tóm tắt. Viết từ thích hợp, A-F, vào ô 1-2 trong phiếu trả lời.												
Bản tóm tắt	Is Language Ability Inborn? Research suggests that there is an inborn 1 in learning a new language. When nerve fibres in the right hemisphere are lined up, 2 of information becomes faster. A study on English speakers learning Chinese backs this up.	Ngôn ngữ có phải là khả năng thiên bẩm? Nghiên cứu chỉ ra rằng có một 1 bẩm sinh trong việc học ngôn ngữ mới. Khi các sợi thần kinh ở bán cầu não phải được xếp thành hàng, 2 của thông tin trở nên nhanh hơn. Một nghiên cứu về những người nói tiếng Anh học tiếng Trung đã xác nhận điều này.												
Danh sách phương án	<table border="1"> <tr> <td>A travel</td> <td>B blockage</td> <td>C storage</td> </tr> <tr> <td>D flow</td> <td>E movement</td> <td>F element</td> </tr> </table>	A travel	B blockage	C storage	D flow	E movement	F element	<table border="1"> <tr> <td>A sự di chuyển</td> </tr> <tr> <td>B việc chặn</td> </tr> <tr> <td>C sự lưu giữ</td> </tr> <tr> <td>D sự chảy</td> </tr> <tr> <td>E sự chuyển động</td> </tr> <tr> <td>F yếu tố</td> </tr> </table>	A sự di chuyển	B việc chặn	C sự lưu giữ	D sự chảy	E sự chuyển động	F yếu tố
A travel	B blockage	C storage												
D flow	E movement	F element												
A sự di chuyển														
B việc chặn														
C sự lưu giữ														
D sự chảy														
E sự chuyển động														
F yếu tố														

Hình thức tìm từ phù hợp trong bài đọc để điền vào chỗ trống.

Yêu cầu
đề bài

Complete the summary below.

Choose **ONE WORD ONLY** from the passage for each answer.

Write your answers in boxes 1 and 2 on your answer sheet.

Tóm tắt

The Battle of Cable Street

On the 4th of October 1936, a planned march by British fascists in the 1 of London was met by thousands of demonstrators. The 2 attempted to separate the marchers from the demonstrators, but eventually the fascists were forced to flee.

Hoàn thành tóm tắt dưới đây.

Chọn **MỘT TỪ DUY NHẤT** trong bài đọc cho mỗi câu trả lời.

Viết đáp án vào ô 1-2 trong phiếu trả lời.

Trận chiến phố Cable

Ngày 4 tháng 10 năm 1936, một cuộc tuần hành được định trước của quân phát xít Anh ở 1 thuộc London đã đụng độ hàng nghìn người biểu tình. 2 đã cố gắng tách đội tuần hành khỏi đám người biểu tình, nhưng cuối cùng quân phát xít đã buộc phải tháo chạy.

Chiến thuật làm bài

1. Trước tiên, hãy kiểm tra tiêu đề và nội dung của tóm tắt để nắm được vấn đề chính.

Nếu là dạng bài tự luận, trước hết bạn cần đọc yêu cầu đề bài để nắm được số lượng từ hoặc số cần điền.

2. Xác định cụm từ khóa và nội dung chính của đoạn cần điền từ.

When nerve fibres in the right hemisphere are lined up, 2 of information becomes faster.

► Cụm từ khóa: nerve fibres ~ are lined up

► Nội dung cần điền: Khi sợi dây thần kinh ở bán cầu não phải được xếp thành hàng, cái gì của thông tin trở nên nhanh hơn?

3. Tìm trong bài đọc những nội dung liên quan đến cụm từ khóa vừa xác định.

Lưu ý, cụm từ khóa của tóm tắt cần hoàn thiện có thể được giữ nguyên hoặc diễn đạt lại trong bài đọc.

Nội dung được nhắc đến trong bài đọc

Thus, it is thought that when the fibres are aligned, information flows quicker and without obstruction.

Do đó, người ta cho rằng khi các sợi này được sắp thành hàng, thông tin truyền đi nhanh hơn mà không gặp trở ngại.

4. Chọn đáp án thích hợp trong danh sách phương án cho sẵn để điền vào chỗ trống.

Lưu ý, các phương án cho sẵn có thể được giữ nguyên hoặc diễn đạt lại nội dung xuất hiện trong bài đọc.

TIPS

Nếu tóm tắt không có tiêu đề, hãy đọc lướt toàn bộ tóm tắt để nắm được nội dung chính.

Ví dụ và cách áp dụng chiến thuật

READING PASSAGE 1

Research indicates that acquisition of a new language has an innate component. In other words, some people are naturally 'wired' for learning languages. A recent study in the *Journal of Neurolinguistics* revealed that nerve fibres in the right hemisphere of the brain were more aligned in successful language learners. Thus, it is thought that 'when the fibres are aligned, information flows quicker and without obstruction. It travels like traffic on the express lane on a freeway. The study by Zhenghan Qi on native English speakers who were learning Chinese clearly supports this idea.

2. Rà soát nội dung xung quanh cụm từ "fibres are aligned", cách diễn đạt khác của cụm từ khóa "nerve fibres - are lined up".

1. Xác định được tiêu đề của tóm tắt là "Ngôn ngữ có phải là khả năng thiên bẩm?" và cụm từ khóa "nerve fibres - are lined up". Nội dung câu hỏi là "khi các sợi thần kinh ở bán cầu não phải được xếp thành hàng, cái gì của thông tin trở nên nhanh hơn?"

3. Dựa vào gợi ý của câu trả lời "khi các sợi này được sắp thành hàng, thông tin truyền đi nhanh hơn mà không gặp trở ngại", ta có thể thấy A là đáp án.

Complete the summary using the list of words, A-C, below.

Write the correct letter, A-C, in box 1 on your answer sheet.

Is Language Ability Inborn?

Research suggests that there is an inborn element in learning a new language. When nerve fibres in the right hemisphere are lined up, 1 of information becomes faster. A study on English speakers learning Chinese backs this up.

A travel

B blockage

C storage

Dịch nghĩa Nghiên cứu chỉ ra rằng việc tiếp thu ngôn ngữ mới một phần là nhờ yếu tố thiên bẩm. Nói cách khác, một số người vốn dĩ "được lập trình" để học ngôn ngữ. Một nghiên cứu gần đây trên tờ *Journal of Neurolinguistics* tiết lộ rằng các sợi thần kinh ở bán cầu não phải của những người giỏi ngoại ngữ được xếp thẳng hàng hơn. Do đó, người ta cho rằng khi các sợi này được sắp thành hàng, thông tin truyền đi nhanh hơn mà không gặp trở ngại. Nó di chuyển như phương tiện giao thông ở làn cao tốc trên xa lộ. Nghiên cứu của Zhenghan Qi về những người nói tiếng Anh bản ngữ đang học tiếng Trung ủng hộ mạnh mẽ ý kiến này.

Ngôn ngữ có phải là khả năng thiên bẩm?

Nghiên cứu chỉ ra rằng có một yếu tố bẩm sinh trong khả năng học ngôn ngữ mới. Khi các sợi thần kinh ở bán cầu não phải được xếp thành hàng, 1..... của thông tin trở nên nhanh hơn. Một nghiên cứu về những người nói tiếng Anh học tiếng Trung đã xác nhận điều này.

A sự di chuyển

B việc chặn

C sự lưu giữ

Đáp án A

Giải thích Phần bài đọc có liên quan đến cụm từ khóa (nerve fibres ~ are lined up) "when the fibres are aligned, information flows quicker and without obstruction" cho biết khi các sợi này được sắp thành hàng, thông tin truyền đi nhanh hơn mà không gặp trở ngại. Vì vậy, đáp án là (A) travel.

Thay đổi cách diễn đạt

are aligned: được sắp thành hàng ► are lined up: được xếp thành hàng

Vocabulary

acquisition n. sự tiếp thu innate a. bẩm sinh component n. yếu tố wired a. được thiết kế, được lập trình hemisphere n. bán cầu não align v. sắp thành hàng

CHECK-UP



Đọc bài đọc và chọn đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống.

01

In the early 1800s, the French army developed a writing system using raised dots on a page to convey sounds. This was intended to be used silently at night when soldiers could not see, but it was complicated to learn. It required combining symbols from multiple columns and rows. Later, the writing system found its way to Louis Braille, an educator who had been blind in both eyes since he was young. Braille thought the system could be used to allow blind people to read and write. He redesigned it, changing the twelve-dot letters to six-dot letters so that they could be understood without shifting the fingers. He also made it a direct translation of the alphabet. Louis Braille published his system of writing in 1821. It transformed the lives of blind people, who were from then on able to read, write, and enjoy an education.

The Invention of Braille

The French army created a system of writing that used raised dots to communicate sounds, but it was hard to learn. Louis Braille thought this system could be used by the blind, so he revised it. He made the 1 have six dots instead of twelve.

- (A) columns
- (B) rows
- (C) letters

Vocabulary

- 01 convey v. vận chuyển, truyền đạt column n. cột row n. hàng
find one's way to phr. tìm cách để ~

- 02** Many people work overtime because it offers the promise of professional success and economic freedom. Certainly, it can reduce financial stress. However, even though working long hours is common in a lot of industries, medical studies have shown that it can be detrimental for health. One such study revealed that too much overtime can lead to an inability to sleep. If this happens regularly over a long period, it can increase a person's risk of developing obesity. Another study found that working long hours can increase the risk of strokes. Working overtime has also been linked to an increase in negative habits and a decrease in positive ones. For example, people who work long hours eat unhealthy food more and exercise less.

Negative Effects of Overworking

Working long hours is common for many business people, but it can be bad for one's health. According to one study, it can have a negative effect on 2 It has also been linked to bad habits, such as exercising less and eating unhealthy food.

- (A) freedom
- (B) sleeping
- (C) stress

Vocabulary

- 02** overtime n. làm thêm giờ professional a. (thuộc) nghề nghiệp, chuyên nghiệp
stroke n. đột quỵ

03

Although anthropology is defined as the study of humans, some anthropologists combine their study of humans with a study of animals. This allows them to make comparisons between humans and animals and to better understand the relationship between them. One important aspect of this is the issue of animal rights. Many people suggest that animals should be granted more legal rights, such as the right not to suffer unnecessarily. These same campaigners believe that animals do not belong in laboratories and should not be utilised for experimental purposes. This is particularly relevant for mice and rats, which together make up 95 per cent of all animals used in labs. Some activists have gone further. Steven Wise, a former Harvard professor, has been fighting to grant all great apes the status of individuals with legal rights, and recently, several countries have already expanded the rights of these animals in their constitutions.

Fighting for the Rights of Animals

Some people think that animals should have more legal rights, including the right to avoid pain. These activists also do not want animals to be used in 3 They even want certain animals to have the same rights as people. For example, a professor has been striving to give 4 legal rights.

A operations**B** experiments**C** treatments**D** mice**E** individuals**F** apes

Vocabulary

- 03** anthropology n. nhân học grant v. cho, ban, cấp, chấp thuận laboratory n. phòng thí nghiệm
make up phr. chiếm activist n. nhà hoạt động great ape phr. vượn lớn
status n. thân phận, địa vị, cấp bậc constitution n. hiến pháp

04

Stonefish have a spotty greenish-brown colour. This colouration provides them with camouflage and makes them look like rocks. Thus, they can be difficult to see. The spines on the back of stonefish contain glands that can release a toxic substance if the fish is attacked. Stonefish frequently inhabit shallow water, and they spend their time close to the ocean floor waiting for prey. Their venom can be lethal to humans, but stonefish are not aggressive. Therefore, poisoning usually results from a person accidentally stepping on the fish.

Fortunately, stonefish venom is rarely fatal, particularly if the victim receives medical care quickly. Nonetheless, if a person stepped on the spines of a stonefish, he or she would suffer extraordinary agony. This can be so intense that the victim is unable to move. Other symptoms include mild swelling around the area of the sting and slight muscle weakness. A sting can also cause swelling around the heart. In the worst cases, people may have fatal seizures. Although stonefish are very dangerous, they are nevertheless considered a luxury dish in parts of Asia, including Japan and China.

The Dangerous Stonefish

Deaths caused by the 5 of stonefish are not common, especially if the victim gets quick medical treatment. Still, a person who steps on the spines of a stonefish would experience extreme 6 There are other symptoms, including 7 that can be life threatening.

- | | | |
|------------|---------|------------|
| A bite | B venom | C numbness |
| D seizures | E pain | F bleeding |

Cấu trúc ngữ pháp cần nhớ

★ **so + tính từ/phó từ + that ~** : (tính từ/phó từ) đến nỗi ~

This can be **so intense that the victim is unable to move**.

tính từ

Sự đau đớn này có thể dữ dội đến mức nạn nhân không thể di chuyển.

- "so" có nhiều nghĩa, tùy theo vị trí của nó trong câu nhưng nhìn chung "so" có nghĩa là "... đến mức", "như vậy" hoặc "để". "so" trước tính từ hoặc phó từ sẽ có nghĩa "... đến mức" như ở ví dụ trên.

Vocabulary

- 04 **spotty** a. có đốm, không đồng đều **colouration** n. (sinh vật) màu sắc **seizure** n. sự co giật
camouflage n. sự ngụy trang **gland** n. tuyến **venom** n. nọc độc **lethal** a. gây chết người
fatal a. chí mạng, chết người **agony** n. sự đau đớn, quằn quại **sting** n. vòi, ngòi, vết đốt



Độc bài đọc và điền từ phù hợp vào chỗ trống.

05

The island of Luzon in the Philippines is home to the spectacular Taal Lake, a crater lake formed in the aftermath of a volcanic eruption. The lake mainly sits in the caldera of Taal Volcano, a large bowl-like hole that was formed after several major eruptions of the volcano 100,000 to 500,000 years ago. However, unlike other crater lakes, Taal Lake used to be connected to the sea by a river. This connection was broken due to an eruption in 1754, as it blocked the Pansipit River which connected the lake with the sea.

After this eruption, water levels in the lake began to rise and eventually, several towns were submerged. The remains of these towns can still be seen under the water. The lake is home to several unique fish that were once sea creatures, like the Lake Taal snake, which has only been found here. The lake is also home to an island known as Volcano Island, where recent eruptions have occurred. The impact of these eruptions has shaped the island in a unique way. It has its own crater, which is filled with a small lake called Crater Lake. Although the volcano has been dormant since 1977, it is still known to be active. This is evident [ⓐ] in the way the water of the lake is continually heated by the volcanic rocks beneath it.

Choose **NO MORE THAN TWO WORDS** from the passage for each answer.

The Natural Wonder of Taal Lake

Taal Lake is located on an island in the Philippines. It occupies part of the caldera of Taal Volcano. A river used to connect the lake to the 8 An eruption in the 18th century destroyed this connection. Following this, the water rose and completely covered towns, and their 9 are still visible beneath the water. Furthermore, the lake contains several former 10 such as the Lake Taal snake, which is found nowhere else on earth.

Cấu trúc ngữ pháp cần nhớ

④ in the way (that) chủ ngữ + động từ: qua cách

This is evident in the way the water of the lake is continually heated...

Điều này thể hiện rõ qua cách nước hồ liên tục được làm nóng...

- ➔ Theo ví dụ trên, sau "in the way" là một mệnh đề. Ta có thể thêm "that" hoặc lược bỏ "that" trước mệnh đề.

Ta cũng có thể dùng "in how" thay cho "in the way".

The conscious and unconscious differ considerably, particular in how they record impressions.

Ý thức và vô thức khác nhau đáng kể, đặc biệt là qua cách chúng ghi lại những ấn tượng.

Vocabulary

- Q5 crater lake phr. hồ miệng núi lửa aftermath n. hậu quả eruption n. sự phun (núi lửa)
caldera n. hõm chảo (phần trũng lớn được hình thành trên đỉnh núi lửa do sự phun trào)
submerged a. ngập nước, chìm dưới nước dormant a. ở trạng thái ngủ, không hoạt động

● Đọc bài đọc và chọn đáp án thích hợp để điền vào chỗ trống.

06 The counties of Cornwall and Devon in the south-west of England were historically rural regions, but in the 18th and 19th centuries this area was reshaped by a massive mining boom. The two counties were identified as being rich in copper and tin, resulting in the construction of hundreds of deep-lode mines throughout Cornwall and West Devon. With these mines came new towns, smallholdings, engine houses, foundries and ports, all of which contributed to the dramatic growth of the area's economy. At the height of this boom, Cornwall and Devon were supplying two-thirds of the world's copper.

The copper crash of 1866 – when prices plummeted – was devastating to the region, and it never recovered its dominance of the copper market. Many mines were abandoned, some of which remain largely untouched to this day. The historical significance of these mines was commemorated by UNESCO, who has declared the area a World Heritage Site. In rewarding this status, UNESCO recognised the well-preserved condition of many of the mines, along with the importance of the region culturally and economically. The technology that was developed in these mines spread across the globe, often through Cornish miners travelling to far-flung locations to impart their knowledge of mining techniques.

The cultural and economic significance of the mines to the region itself is now celebrated in the Redruth Pasty & Mining Festival. This annual festival in the Cornish town of Redruth honours the miners, with particular emphasis on those who lost their lives down the mines. The festival also pays tribute to the importance of the Cornish Pasty – a baked pastry filled with beef and vegetables – to the culture of the area. Miners would take these down the mines, as they could be eaten without cutlery and formed a complete, nutrient-rich meal.

Cornwall and Devon's World Heritage Mine

The copper and tin mining industry in Cornwall and Devon was at one time the biggest in the world. However, it lost its 11 position after the copper crash of the late 19th century. Recently, UNESCO acknowledged the importance of this mining industry by naming the area a World Heritage Site. The award recognised the history of the industry and the 12 state of the mines themselves. In recent years, the mines have been celebrated at an annual festival in Redruth. This event also commemorates the 13 value of the Cornish Pasty, a very 14 pastry that was eaten down the mines.

A undamaged

B dominant

C nourishing

D economic

E cultural

F costly

GIẢI QUYẾT TỪNG DẠNG BÀI II

Week 3

Day 1

Hackers IELTS Reading Basic

Đáp án · Dịch nghĩa · Giải thích trang 317

Vocabulary

06 copper n. đồng đỏ tin n. thiếc lode n. mạch (mỏ) smallholding n. nông trại nhỏ
foundry n. xưởng đúc plummet v. lao thẳng xuống, tụt giảm commemorate v. kỉ niệm, tưởng nhớ
recognise v. công nhận, nhìn nhận Cornish a. thuộc xứ Cornwall far-flung a. xa xôi
impart v. truyền đạt, phổ biến pay tribute to phr. vinh danh ~ cutlery n. dao đĩa

Week 3 Day 1 - Hoàn thành tóm tắt (Summary Completion) 141

TEST

READING PASSAGE 1

From the Traditional to the Modern

The Development of Modern Dance

Dance was once a very traditional and conventional art form, but that changed with the introduction of modern dance, which expanded the limits of what was possible in dance. Around the beginning of the 20th century, modern dance arose out of the avant-garde movement. Avant-garde dance was a form of innovative expression. It did not require dancers to perform in a conventional ballet costume. Rather, it allowed them to wear casual clothes, such as T-shirts and jeans, in order to express the feeling of everyday life. Most importantly, avant-garde dance was often performed in parks, churches and on the street. This contrasted with traditional dance, which was performed in official places like concert halls.

Indeed, the basic formats of traditional and modern dance were remarkably different. The traditional approach followed a systematic form and had a story to the dance, which was almost always produced by choreographers. Modern dance, on the other hand, needed only music and relied on improvisation. Occasionally, it did not even require this and sometimes took on the form of an interpretive dance. Avant-garde dance appealed to various audiences, including those who were not knowledgeable or refined patrons of the arts. Thus, whoever was interested and had an open mind could enjoy avant-garde dance.

An important stylistic difference in avant-garde dance was the way dancers chose to express themselves. For instance, they sometimes talked during the dance performance. Dance companies found new ways to incorporate their dancers' art in a broader performing context. One way in which this was reflected was in their choice of company names. Before the avant-garde movement, troupes were largely named after their resident choreographer, resulting in names such as 'Zeffirelli's Dance Company' or 'The Radoyanov Ballet Troupe'. However, after the development of the movement, they took on unrelated, or more meaningful, titles like 'Acme', which means 'pinnacle'.

Questions 1–5

Complete the summary below.

Choose **NO MORE THAN TWO WORDS** from the passage for each answer.

A New Form of Dance

Modern dance was born from the 1 of the 20th century. It was a type of creative expression. This new form of dance did not require a traditional 2 but allowed casual clothes. Also, dances did not have to take place at official locations such as 3 Traditional dance was usually produced by 4 In contrast, modern dance just needed music and depended on 5

GIẢI QUYẾT BÀI II

Week 3

Day 1

Hackers IELTS Reading Basic

 Vocabulary

conventional a. theo tập quán, mang tính phong tục avant-garde a. tiên phong, tiên tiến
 choreographer n. biên đạo múa improvisation n. sự ngẫu hứng, sự ứng biến
 interpretive a. mang tính diễn giải knowledgeable a. am tường refined a. tao nhã, tinh tế
 patron n. nhà tài trợ, ông bầu troupe n. đoàn (kịch), gánh (hát) resident a. thường trú, cư trú
 pinnacle n. đỉnh cao, đỉnh điểm

READING PASSAGE 2

Bees: The Substance of a Queen

There is always one queen in a hive, and she is significantly larger than a worker bee and longer than a drone, the non-working male bee. However, her wings are much shorter than her body and cannot cover her long and tapered abdomen. She has sparkling gold hairs on her shiny body. The queen also has a sting, but, unlike the aggressive workers, she does not fight hive intruders. Her sting is only used to fight rival queens. Furthermore, she does not go out to get pollen, nectar, or water, and therefore has no anatomical structures for gathering these things. Finally, as a queen, she usually does not feed herself.

Queens emit several pheromones that regulate the activity of the hive. Arguably, the most important of these is the 'queen substance', which suppresses the reproductive systems of other female bees, inhibiting them from building queen cells of their own and laying eggs. In this way, the pheromone ensures that the queen

is the only reproductive female in the hive, and it also serves to attract drones for mating with her. The queen substance also keeps the bees together when the queen leaves the hive with the swarm. Swarming occurs when the old queen leaves to colonise a new area. Approximately 60 per cent of the bees follow her, while the others stay to maintain the old hive and nurture a new queen.

Additional pheromones produced by the queen are influential in stimulating comb building and the rearing of offspring. In the case of comb building, a study led by M. N. Ledoux at Simon Fraser University discovered that the specific chemicals that stimulate comb building are only produced in high quantities by queens that have mated.